

Số: **408**/TTr-MIE-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc & Người quản lý khác và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động ngày 21/6/2021 và các lần sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE);

Vận dụng Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Vận dụng Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 4302/BCT-TCCB ngày 16/6/2025 Bộ Công Thương về việc chấp thuận hồ sơ xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Cơ quan MIE;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-MIE-HĐQT ngày 11/5/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc thông qua tài liệu và kiến nghị SCIC thông qua đề phục vụ cho việc tổ chức ĐHĐCĐTN 2026;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Cơ quan MIE.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc & Người quản lý khác và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

1) Báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác theo Phụ lục 1 đính kèm;

2) Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Phụ lục 2 đính kèm. *Phx*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGĐ, BKS;
- Ban TCKT;
- Lưu: VT, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC THỰC HIỆN NĂM 2025
CỦA HĐQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

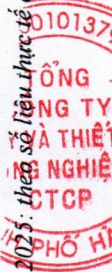
(Kèm theo Tờ trình số **408** /TTT-MIE-HĐQT ngày 05 tháng 6 năm 2026)

ĐVT: đồng/năm

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác thực hiện năm 2025				Ghi chú		
			Số tháng chi trả	Tiền lương	Thù lao	Các khoản chi từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi		Các khoản phụ cấp và thu nhập khác	Tổng cộng
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	HĐQT, TGD			1.491.900.000	97.800.000	59.500.000	111.560.960	1.760.760.960	
1	Trần Quốc Toàn	Chủ tịch HĐQT	12	537.600.000		16.000.000	36.220.960	589.820.960	
2	Lê Huy Hải	TV HĐQT, TGD	12	522.600.000		16.000.000	13.420.000	552.020.000	
3	Vũ Trung Thực	TV HĐQT, Phó TGD	12	401.200.000		16.000.000	27.580.000	444.780.000	
4	Cù Ngọc Phương	TV HĐQT, Phó TGD	12	13.500.000	60.000.000	5.500.000		79.000.000	
5	Hoàng Minh Việt	Thành viên HĐQT	6	17.000.000	37.800.000	6.000.000	34.340.000	95.140.000	Miễn nhiệm 26/6/2025
II	Ban Kiểm soát			401.200.000	48.000.000	16.000.000	23.380.000	488.580.000	
1	Đình Quang Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	12	391.200.000		16.000.000	23.380.000	430.580.000	
2	Lê Thị Minh Huyền	KSV kiểm nhiệm	12	5.000.000	24.000.000			29.000.000	
3	Nguyễn Thị Khánh Ly	KSV kiểm nhiệm	12	5.000.000	24.000.000			29.000.000	
III	Các PTGD			341.765.217	156.000.000	26.500.000	19.567.391	543.832.608	
1	Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng giám đốc kiêm nhiệm	12	13.500.000	36.000.000	5.500.000	500.000	55.500.000	
2	Nguyễn Văn Giáp	Phó Tổng giám đốc bán chuyên trách	12	12.500.000	120.000.000	5.000.000		137.500.000	
3	Tô Hồng Dân	Phó Tổng giám đốc chuyên trách	8,5	315.765.217		16.000.000	19.067.391	350.832.608	
IV	Người quản lý khác			179.716.000	72.000.000	22.000.000	20.380.000	294.096.000	
1	Nguyễn Ngọc Hùng	Người đại diện vốn SCIC	12	13.500.000	72.000.000	5.500.000		91.000.000	
2	Đình Hồng Mai	Chủ tịch Công đoàn MIE	12	166.216.000		16.500.000	20.380.000	203.096.000	
V	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)		146,5	2.414.581.217	373.800.000	124.000.000	174.888.351	3.087.269.568	

Ghi chú:

Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác thực hiện năm 2025: theo số liệu thực tế chi năm 2025.



PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2026
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

(Kèm theo Tờ trình số **408** /TTr-MIE-HĐQT ngày 05 tháng 6 năm 2026)

STT	Chức danh	Số tiền (đồng/tháng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Mức lương cơ bản của Thành viên HĐQT, KSV chuyên trách		
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	53.000.000	Đảm bảo các nguyên tắc nêu tại Điều 24 Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 và vận dụng Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 có tính đến sự phù hợp với thị trường và ngành nghề, tính chất hoạt động của Cơ quan MIE để xác định mức lương cơ bản
2	Thành viên HĐQT chuyên trách, KSV chuyên trách	43.000.000	
3	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	44.000.000	
II	Thù lao cơ bản của Thành viên HĐQT, KSV không chuyên trách		
1	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	8.600.000	Mức hưởng = 20% mức lương cơ bản TV HĐQT chuyên trách
2	Kiểm soát viên không chuyên trách	8.600.000	Mức hưởng = 20% mức lương cơ bản KSV chuyên trách (43.000.000đ)
III	Mức lương tối đa		
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		Giao cho Hội đồng quản trị quyết định mức lương tối đa và mức chi trả cụ thể gắn với chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2026 so với lợi nhuận thực hiện năm 2025. - Lợi nhuận kế hoạch không thấp hơn thì mức tiền lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản; - Lợi nhuận kế hoạch vượt thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt, mức tiền lương được tính thêm 2% nhân với 02 lần mức lương cơ bản nhưng không vượt quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản. - Lợi nhuận kế hoạch thấp hơn thì mức tiền lương tối đa được tính bằng 80% nhân với 02 lần mức lương cơ bản và nhân với tỷ lệ lợi nhuận kế hoạch so với lợi nhuận thực hiện, nhưng không thấp hơn 80% mức lương cơ bản.
2	Thành viên HĐQT chuyên trách, KSV chuyên trách		
3	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách		




 X